

MỤC LỤC

Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
1.1. Tên chủ dự án đầu tư:	1
1.2. Tên dự án đầu tư.....	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của Dự án đầu tư	2
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	4
1.4.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án	4
1.4.2. Giai đoạn vận hành dự án.....	6
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	8
Chương II	11
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	11
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	11
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:	11
Chương III.....	12
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	12
3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	12
3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	12
3.3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án.....	12
Chương IV.....	14
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	14
4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.....	14
4.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	14
4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành dự án.....	16
4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	16
4.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	19
4.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn	22
4.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo quy chuẩn kĩ thuật về môi trường.	23
4.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và đi vào vận hành.	24

4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	27
4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	28
Chương V	30
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	30
5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	30
5.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	30
5.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:.....	30
5.1.3. Dòng nước thải.....	30
5.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	30
5.1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải	31
5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải.....	31
5.2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải	31
5.2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải tối đa:.....	31
5.2.3. Dòng bụi, khí thải.....	31
5.2.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận bụi, khí thải	32
5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	32
5.3.1. Nguồn phát sinh:	32
5.3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:.....	32
Chương VI.....	33
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	33
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư.....	33
6.1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	33
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	33
6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.....	34
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ).....	34
Chương VII	36
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	36
PHỤ LỤC BÁO CÁO	37

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATVSTP:	An toàn vệ sinh thực phẩm
BTCT:	Bê tông cốt thép
BOD:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT:	Bộ Tài Nguyên và Môi trường
BVMT:	Bảo vệ môi trường
CBNV:	Cán bộ nhân viên
CC-DV:	Công cộng - dịch vụ
COD:	Nhu cầu oxy hóa học
CP:	Chính phủ
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
HTXL:	Hệ thống xử lý
KD:	Kinh doanh
NĐ:	Nghị định
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
UBND:	Ủy ban nhân dân
TCXDVN:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
CCN:	Cụm công nghiệp

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp khối lượng VLXD các hạng mục xây dựng của dự án.....	4
Bảng 1.2. Tổng hợp máy móc thiết bị phục vụ xây dựng của dự án	5
Bảng 1.3. Danh mục hóa chất, nguyên vật liệu phục vụ vận hành của dự án.....	6
Bảng 1.4. Bảng tổng hợp thiết bị máy móc phục vụ trong giai đoạn vận hành	6
Bảng 1.5. Các hạng mục công trình của dự án.....	9
Bảng 3.1. Môi trường không khí xung quanh gần khu vực dự án	13
Bảng 3.2. Môi trường nước mặt gần khu vực dự án	13
Bảng 4.1. Kích thước các bể xử lý nước thải.....	18
Bảng 4.2. Tên, số lượng chất thải nguy hại và khối lượng phát sinh trong giai đoạn vận hành	23
Bảng 4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	27
Bảng 4.4. Nhận xét mức độ chi tiết và độ tin cậy của các đánh giá đã áp dụng.....	28
Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	30
Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng bụi, khí thải.....	31
Bảng 5.3. Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn (dBA)	32
Bảng 5.4. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung.....	32
Bảng 6.1. Kế hoạch lấy mẫu nước thải, khí thải giai đoạn vận hành ổn định.....	33

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất gỗ dán ép.....	2
Hình 1.2. Quy trình sản xuất hàng mộc xuất khẩu.....	4
Hình 1.3. Vị trí thực hiện dự án	9
Hình 4.1. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải thi công.....	14
Hình 4.2. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án	16
Hình 4.3. Sơ đồ quy trình xử lý bể xử lý nước thải của dự án.....	18
Hình 4.4. Hệ thống xử lý bụi.....	20
Hình 4.5. Sơ đồ cấu tạo của thiết bị lọc túi.	21
Hình 4.6. Sơ đồ xử lý bụi, mùi sơn	21

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư:

Công ty CP Naconex

- Địa chỉ văn phòng: Số 38 đường Phan Đình Phùng, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Võ Minh Quân, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc.

- Điện thoại: 02383 837151.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900492894 do phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2001. Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06 tháng 03 năm 2025.

1.2. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu – Công ty CP Naconex tại phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Cụm công nghiệp Đông Vĩnh, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Ranh giới tiếp giáp các phía dự án như sau:

+ Phía Tây Bắc giáp: Khu tiểu thủ công nghiệp;

+ Phía Đông Bắc giáp: Đường nhựa rộng 12m;

+ Phía Đông Nam giáp: Đường quy hoạch Nguyễn Minh Châu rộng 12m;

+ Phía Tây Nam giáp: Đường nhựa rộng 9m.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: UBND thành phố Vinh.

- Cơ quan cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: UBND thành phố Vinh

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, chế biến gỗ.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án đầu tư mới có tổng mức đầu tư 11.154.082.000 đồng nên thuộc dự án nhóm C (căn cứ theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công).

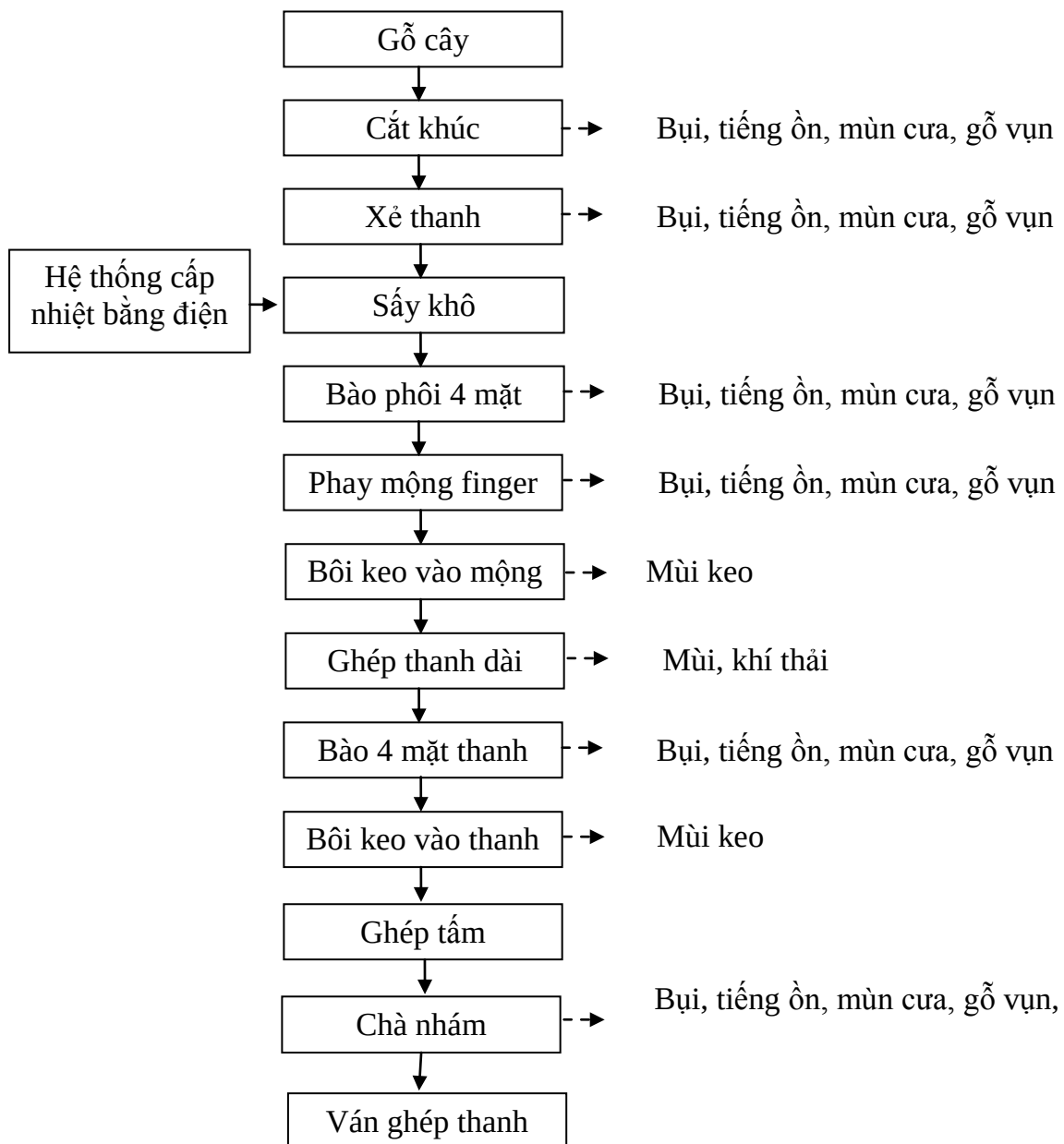
- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 điều 25 Nghị định này: Không có yếu tố nhạy cảm.

- Mẫu báo cáo được lập theo phụ lục IX (mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và dự án đầu tư nhóm III) thuộc Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của Dự án đầu tư

- Quy mô, công suất: 3.000m³ sản phẩm/năm.
- Sản phẩm: hàng mộc xuất khẩu, gỗ dán ép.
- Công nghệ sản xuất của dự án:

a) Gỗ dán ép



Hình 1.1. Quy trình sản xuất gỗ dán ép

Thuyết minh quy trình:

Gỗ nguyên liệu được cung cấp bởi các đơn vị, chuyển bằng ô tô về xưởng, tập kết ở khu vực nhà xưởng đã được lán nền, có mái che, tránh tác động của nước mưa. Gỗ cây được đưa vào máy cưa để cắt thành các khúc có độ dài <1m thuận lợi cho công đoạn xẻ.

Gỗ sau khi cắt khúc được đưa lên máy cưa xẻ thành ván tấm, sau đó xẻ thành các thanh theo kích thước khác nhau.

Các thanh sau khi xẻ được đưa vào hệ thống sấy để sấy khô gỗ thanh, hệ thống sấy sử dụng điện.

Sau khi được sấy khô thanh gỗ được đưa qua công đoạn bào nhẵn 4 mặt để tạo độ phẳng và đồng đều cho các thanh.

Sau khi được bào phẳng các thanh được đưa qua máy phay mộng finger để nối các thanh.

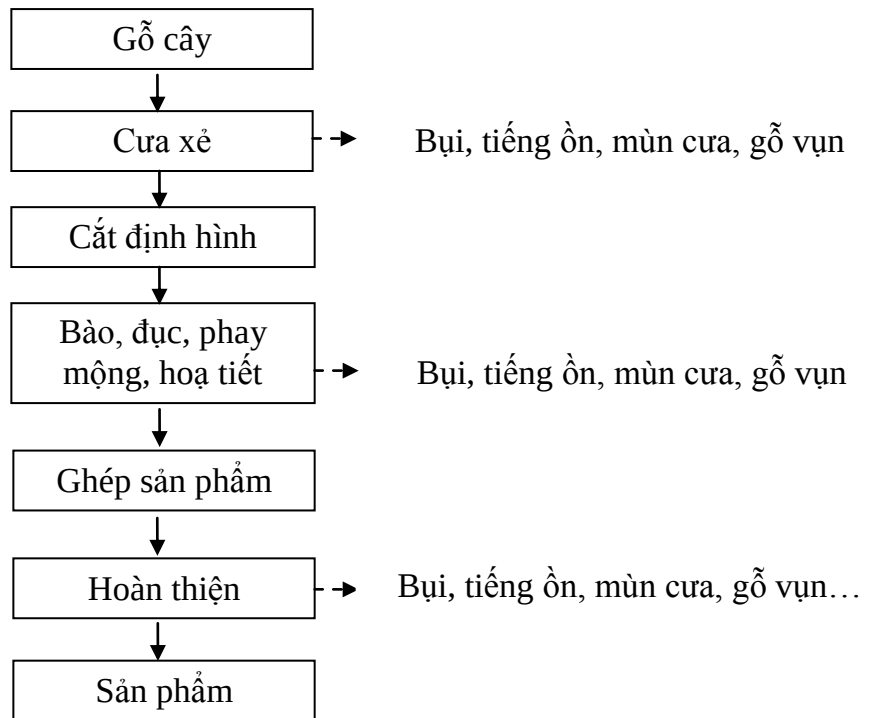
Sau khi phay mộng, các đầu mộng được bôi keo chuyên dụng sử dụng cho gỗ (keo sữa-thành phần chính là poly vinyl axetat ,mùi hơi chua, không độc hại, không gây cháy nổ, rất an toàn cho người sử dụng , chỉ cần bảo quản nơi khô ráo và tránh nhiệt độ cao là có thể tái sử dụng được nhiều lần).

Sau khi bôi keo các thanh được ghép lại với nhau dưới bằng thủy lực và chờ cho keo khô và đưa ra khỏi máy ép.

Các thanh dài sau khi ép được bào phẳng 4 mặt để tạo độ phẳng cho bề mặt và đồng nhất kích thước. Sau khi bào các thanh được bôi keo kết dính.

Các thanh đã được bôi keo đưa lên máy ép, dưới lực ép của máy ghép ngang thủy lực, các thanh kết dính với nhau thành tấm. Ván tấm được bào lại và chà nhám tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh.

b) Hàng mộc xuất khẩu



Hình 1.2. Quy trình sản xuất hàng mộc xuất khẩu

Gỗ nguyên liệu được cung cấp bởi các đơn vị, chuyển bằng ô tô về nhà xưởng trước khi đưa vào sản xuất.

Gỗ được cắt thành các chi tiết có kích thước khác nhau theo dạng định hình sản phẩm được gia công. Sau khi cắt gỗ được phay rãnh, phay viền, đục các hoa văn, chi tiết, tiếp đó được đục các mòng âm, phay mòng dương để lắp ghép với nhau. Các chi tiết đã được gia công được ghép lại với nhau thành sản phẩm thô. Các sản phẩm được chuyển sang công đoạn hoàn thiện như: chà ráp, đánh bóng, phun- đánh vecni... thành sản phẩm hoàn chỉnh.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

1.4.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

- Nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho dự án được lấy từ các cơ sở cung cấp nguyên vật liệu ở địa phương và các vùng phụ cận cách dự án khoảng 10 km.

Bảng 1.1. Tổng hợp khối lượng VLXD các hạng mục xây dựng của dự án

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng (tấn)
1	Đá 1x2	m ³	608,70	913,05
2	Đá 2x4	m ³	1,71	2,57
3	Đá 4x6	m ³	102,22	153,33
4	Cát đen	m ³	578,22	867,32
5	Cát vàng	m ³	467,88	701,81

6	Gạch chỉ 6,5x10,5x22	viên	350.613,0	806,41
7	Thép tròn D≤10mm	kg	30.564,83	30,56
8	Thép tròn D≤18mm	kg	105.042,83	105,04
9	Bột bả ma tít Ventonít	kg	21.372,49	21,37
10	Sơn lót chống kiềm	kg	1.144,07	1,14
11	Sơn	kg	1.281,81	1,28
12	Xi măng PC30	kg	599.841,95	599,84
Tổng				4.203,74

- Nguồn bê tông:

Công trình sử dụng bê tông tươi (Bê tông thương phẩm) sử dụng để đổ sàn, dầm, cột...

Các hạng mục cần khối lượng nhỏ thì sử dụng máy trộn bê tông 0,5-1m³.

- Trong quá trình thi công sử dụng các loại máy móc thiết bị sau:

Bảng 1.2. Tổng hợp máy móc thiết bị phục vụ xây dựng của dự án

TT	Loại máy móc thiết bị	Số lượng (chiếc)	Tình trạng
1	Máy xúc 1,25m ³	3	Cũ (còn 90%)
2	Máy ủi 110CV	3	Cũ (còn 90%)
3	Máy khoan 105mm	5	Cũ (còn 90%)
4	Máy nén khí diezen 660m ³ /h	3	Cũ (còn 90%)
5	Máy cắt 5KW	3	Cũ (còn 90%)
6	Máy hàn 23KW	5	Cũ (còn 90%)
7	Máy trộn bê tông 0,5-1 m ³	52	Cũ (còn 90%)
8	Máy đầm	3	Cũ (còn 90%)
9	Máy mài	2	Cũ (còn 90%)
10	Xe tải 10 tấn	30	Cũ (còn 90%)
11	Giàn nâng	1	Cũ (còn 90%)

(Nguồn: Thuyết minh dự án đầu tư)

- Điện: Nguồn điện được đấu nối với tuyến đường dây của CCN Đông Vĩnh.

- Nước: Dự án sử dụng nước máy do Công ty CP Cấp nước Nghệ An cung cấp. Định mức sử dụng nước trong giai đoạn thi công xây dựng ước tính khoảng 4,25 m³/ngày, cụ thể như sau:

+ Số lượng công nhân là 10 công nhân, định mức 25 l/người/ngày: 0,25 m³/ngày.

+ Nước cấp cho quá trình thi công, rửa bánh xe: 4 m³/ngày.

1.4.2. Giai đoạn vận hành dự án

Danh mục hóa chất, nguyên vật liệu phục vụ vận hành dự án trong 1 năm:

Gỗ nhập về đã được sấy khô, bào phôi cắt thành khúc hoặc tấm, ván, ngoài ra còn dùng keo, sơn, vecni và dung môi cho quá trình tạo thành sản phẩm. Khối lượng vật tư sử dụng trong 1 năm ước tính như sau:

Bảng 1.3. Danh mục hóa chất, nguyên vật liệu phục vụ vận hành của dự án

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Gỗ nguyên liệu	m ³ /năm	3100
2	Keo sữa (keo PVA)	kg/năm	3000
3	Sơn, vecni	kg/năm	1000
4	Dung môi	kg/năm	1000

- *Cấp điện*: Nguồn điện được đấu nối với tuyến đường dây của khu vực.

- *Cấp nước*: Dự án sử dụng nước máy do Công ty CP Cấp nước Nghệ An cung cấp. Nước được dẫn vào bể chứa nước của dự án sau đó được bơm lên két nước trên mái bằng máy bơm cao áp, từ két nước cấp xuống các khu chức năng. Nước được lấy từ bể nước ngầm bơm lên bồn inox trên mái. Ống cấp nước bằng ống nhựa chịu áp lực PPR. Nhu cầu sử dụng nước của dự án như sau:

+ Với 160 công nhân viên, định mức 70 lít/người/ngày thì lượng nước cấp cho cán bộ công nhân viên là 11,2 m³/ngày.

+ Nước cấp cho xử lý bụi, mùi sơn: 6 m³/ngày (được cấp ban đầu, định kì sử dụng tuần hoàn, hàng ngày chỉ bổ sung lượng hao hụt khoảng 0,2 m³/ngày, nước thải này không xả ra ngoài, căn lắng sơn quản lý như CTNH).

Ngoài ra, dự án còn sử dụng nước cấp cho PCCC. Bố trí 2 máy bơm chữa cháy (1 làm việc + 1 dự phòng) nước được bơm qua ống chính, ống nhánh đến các khu vực trong toàn công trình.

- Các máy móc, thiết bị phục vụ vận hành dự án:

Bảng 1.4. Bảng tổng hợp thiết bị máy móc phục vụ trong giai đoạn vận hành

Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng
Máy phay một trục	cái	01	Mới
Máy phay trục đứng có bàn trượt	cái	01	Mới
Máy làm mỏng Finger	cái	01	Mới
Máy phay cao tốc	cái	01	Mới
Máy bào hai mặt	cái	01	Mới
Máy làm mỏng một đầu	cái	01	Mới

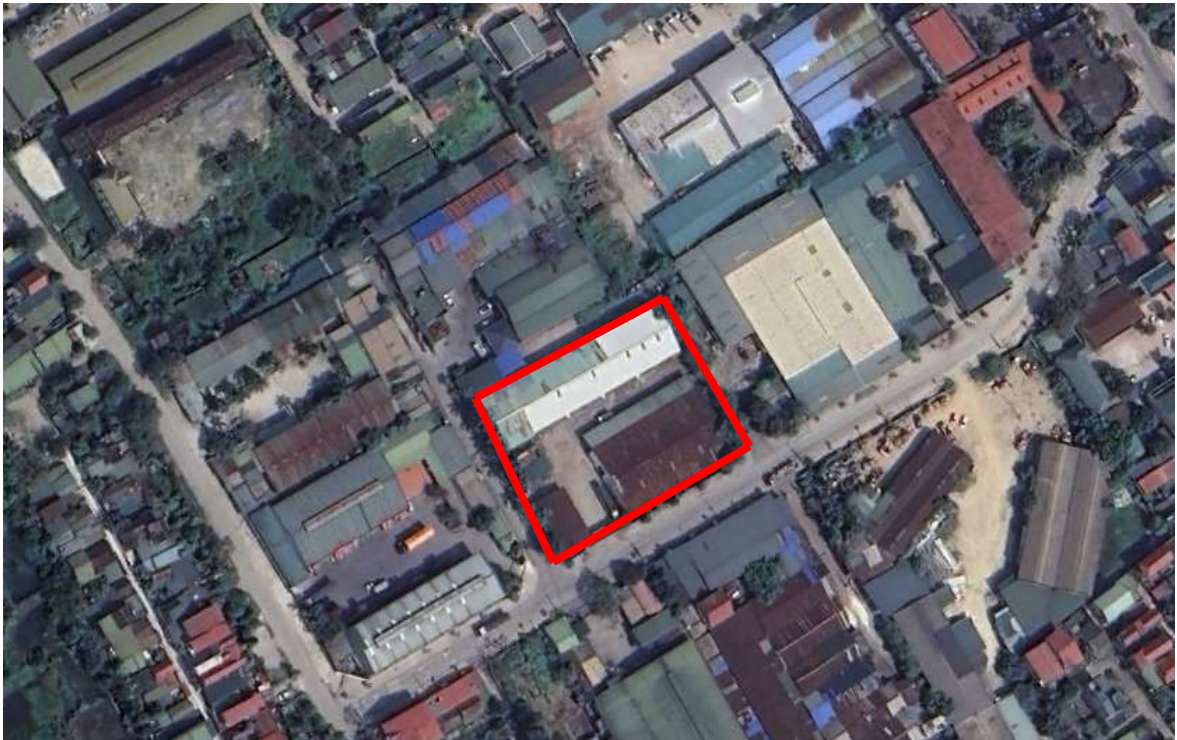
Máy chà nhám thùng 60	cái	01	Mới
Máy mài dao thẳng	cái	01	Mới
Máy mài dao cụ hợp kim	cái	01	Mới
Máy làm mộng ovan âm thẳng	cái	01	Mới
Máy cắt chốt	cái	01	Mới
Máy đục mộng cửa chớp	cái	01	Mới
Máy bào bốn nhỏ bốn trục dao	cái	01	Mới
Máy phay rãnh chớp	cái	01	Mới
Máy dán cạnh	cái	01	Mới
Máy xén cạnh	cái	01	Mới
Khoan tự động cỡ nhỏ 21 mũi, có khả năng nghiêng đầu khoan	cái	04	Mới
Khoan hai mặt hai cụm khoan đứng và một khoan ngang	cái	04	Mới
Máy khoan gắn bản lề tự động	cái	04	Mới
Máy dán định hình dùng màng ép và hút chân không	cái	04	Mới
Hệ thống phun keo thủ công	cái	04	Mới
Máy đánh nhẵn	cái	04	Mới
Hệ thống đóng gói	cái	03	Mới
Súng phun vecni, sơn PU	cái	15	Mới
Hệ thống hút bụi tổng	cái	01	Mới
Hệ thống khí nén trung tâm	cái	01	Mới
Xe nâng kích tay	cái	20	Mới
Súng bắn đinh vắn vít, máy mài cầm tay	cái	20	Mới
Máy mài dao đa năng	cái	01	Mới
Máy mài dao phẳng không chân	cái	01	Mới
Hệ thống hàn mài cán lưỡi cưa vòng	cái	01	Mới
Máy cưa Panen CNC	cái	01	Mới
Máy cưa Panen đẩy tay	cái	01	Mới
Máy dán cạnh	cái	04	Mới
Máy khoan dàn	cái	04	Mới
Xe đẩy hàng	cái	02	Mới
Máy cưa cắt đoạn	cái	02	Mới
Máy cưa rong lưỡi trên	cái	02	Mới
Máy cưa rong lưỡi dưới	cái	02	Mới
Công đoạn ghép thanh	cái	04	Mới
Hệ thống phay mộng bán tự động Máy phay mộng phải Máy phay mộng trái + bôi keo Máy ghép dọc	cái	04	Mới
Máy ghép ngang 200 cỡ khổ rộng 3100mm, súng vắn thuỷ lực	cái	04	Mới
Máy làm mộng Finger trái	cái	04	Mới
Máy làm mộng Finger phải	cái	04	Mới
Bộ cào hơi, súng xiết thuỷ lực	cái	10	Mới

Máy cưa cắt tấm	cái	04	Mới
Máy bào bốn mặt sáu trục dao	cái	06	Mới
Máy bào bốn mặt bảy trục dao			
Máy phay cao tốc	cái	05	Mới
Máy phay chép hình	cái	03	Mới
Máy tubi ba trục có bàn trượt	cái	03	Mới
Máy tubi hai trục	cái	04	Mới
Máy làm mộng đa năng	cái	04	Mới
Máy đục mộng vuông	cái	05	Mới
Máy làm mộng ovan dương	cái	03	Mới
Máy làm mộng ovan âm	cái	04	Mới
Máy khoan đứng 12 đầu	cái	04	Mới
Máy cắt phay	cái	04	Mới
Máy khoan trung gian	cái	02	Mới
Khoan nhiều lỗ hàng dọc	cái	02	Mới
Máy chà nhám thùng 1100+1300 mm	cái	04	Mới
Máy bào tấm	cái	04	Mới
Máy cưa lọng (hoặc vanh)	cái	05	Mới
Máy cưa cắt phay hai đầu (các loại)	cái	04	Mới
Máy cưa đu	cái	04	Mới
Máy chà nhám chi tiết cong	cái	02	Mới
Máy chà nhám song tròn	cái	02	Mới
Máy tuốt tròn	cái	02	Mới
Máy khoan ngang các loại	cái	03	Mới
Máy đánh mộng hai đầu	cái	02	Mới
Máy làm mộng mang cá	cái	02	Mới
Máy ovan âm một đầu	cái	02	Mới
Máy ghép ngang thủy lực	cái	02	Mới
Máy ovan chi tiết cong	cái	02	Mới
Máy vi tính	cái	30	Mới
Máy in	cái	15	Mới
Máy photo	cái	2	Mới
Máy fax	cái	1	Mới
Điện thoại Bàn	cái	15	Mới
Xe tải	cái	6	Mới
Xe nâng dỡ hàng trong kho	cái	6	Mới

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 20/7/2024 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu – Công ty CP Naconex tại phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Dự án thuộc CCN Đông Vĩnh, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, có tổng diện tích lập quy hoạch là 5.407,0 m².



Hình 1.3. Vị trí thực hiện dự án

- Diện tích và các tiêu chí quy hoạch khác:
- + Diện tích xây dựng công trình: 3.822,29 m²
- + Tầng cao: 01-03 tầng.
- + Mật độ xây dựng: 70 %.
- Các hạng mục công trình của dự án:

Bảng 1.5. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Tên hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích (m ²)
1	Lối vào chính	-	-
2	Nhà văn phòng và trưng bày sản phẩm 1	03	298343
3	Nhà văn phòng và trưng bày sản phẩm 2	03	298343
4	Nhà xưởng số 01	01	1.497,81
5	Nhà xưởng số 02	01	1.497,81
6	Bể nước 1	-	123,35
7	Bể nước 2	-	113,38
8	Lối vào phụ	-	-

- Tổng mức đầu tư: 11,1 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện dự án: dự án đi vào vận hành trước quý III/2026.
- Hiện trạng sử dụng đất: dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất với mã số CY 148993 ngày 14/4/2022, thuộc thửa đất số 157, tờ bản đồ số 25.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1059/QĐ-Ttg ngày 14/9/2023. Ngoài ra dự án còn phù hợp với các Quyết định, nghị quyết sau đây:

- Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Vinh.

- Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch thành phố Vinh.

- Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về quy hoạch Tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 8/9/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

Ngoài ra dự án nằm trong địa phận CCN Đông Vĩnh, nằm trong khu vực các ngành nghề khuyến khích đầu tư của CCN... nên phù hợp với lĩnh vực thu hút đầu tư của CCN nói riêng và định hướng phát triển chung của lĩnh vực công nghiệp tại Nghệ An nói chung.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Dự án thuộc CCN Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Lưu lượng nước thải của dự án xả thải tối đa là 12,8 m³/ngày đêm, nước sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Đông Vĩnh. Toàn bộ nước thải phát sinh của dự án sau khi được xử lý thoát ra vào mương thoát nước chung của CCN Đông Vĩnh rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Đông Vĩnh công suất 150m³/ngày.đêm để xử lý tiếp sau đó đổ ra sông Kẽ Gai.

Chương III

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

Khu đất thực hiện dự án là khu đất xây dựng nhà máy trong khu công nghiệp, chỉ có cây cỏ dại, cây xanh trồng, tài nguyên thực vật nghèo nàn. Các loài động vật hoang dã tự nhiên ít xuất hiện.

Khu vực dự án không phát hiện các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu ghi trong sách đỏ Việt Nam.

Trong khu vực Dự án và vùng lân cận (bán kính 1km) không có Vườn Quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, các giá trị sinh thái quan trọng được quy định bảo tồn bởi luật pháp Việt Nam hay các công ước, hiệp ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án:

+ Môi trường không khí tiếp nhận khí thải khi thực hiện dự án là môi trường không khí xung quanh khu vực dự án. Qua số liệu tham khảo tại bảng 3.1 cho thấy chất lượng không khí xung quanh tại khu vực thì thấy môi trường không khí tại đây chưa có hiện tượng ô nhiễm, các thông số tại thời điểm phân tích chưa vượt quy chuẩn hiện hành về không khí xung quanh: QCVN 05:2023/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh).

+ Môi trường nước mặt tiếp nhận nước thải dự án: Dự án đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Đông Vĩnh.

3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Toàn bộ nước thải phát sinh sau khi được xử lý chảy vào mương thoát nước chung của cụm công nghiệp Đông Vĩnh sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Đông Vĩnh công suất 150m³/ngày.đêm nên nội dung này không mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án.

3.3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án

Để đánh giá chất lượng các thành phần môi trường nền trong khu vực thực hiện dự án: Tham khảo số liệu của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Tổng kho dự trữ bia, rượu, nước giải khát và văn phòng Công ty Cổ phần thương mại bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ tại CCN Đông Vĩnh, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh tỉnh Nghệ An tháng 9/2024 cách dự án khoảng 20m về phía Tây Nam dự án) như sau:

- Không khí xung quanh:

Bảng 3.1. Môi trường không khí xung quanh gần khu vực dự án

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 05:2023/BTNMT
				K	
1.	Bụi TSP	µg/m ³	TCVN 5067:1995	112	300
2.	CO	µg/m ³	SOP.TN.II3	3.008	30.000
3.	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	40	350
4.	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:1995	40	
5.	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2010	64	70⁽¹⁾

- Nước mặt:

Bảng 3.2. Môi trường nước mặt gần khu vực dự án

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT Mức B (Bảng 3)
				MN	
1	pH	Thang pH	TCVN 6492:2011	7,0	6 - 8,5
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	5,62	≤15
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	4,94	≤6
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C: 2017	10,3	≤15
5	Nitrat (tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .B: 2017	0,15	-
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	350	≤.5000

Chương IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

4.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

- Kiểm soát ô nhiễm do nước thải sinh hoạt

+ Đối với nước thải sinh hoạt của đội ngũ công nhân (ước tính phát sinh khoảng 0,25 m³/ngày, 10 công nhân, định mức 25 l/người/ngày): sử dụng nhà vệ sinh đã có của nhà máy.

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào mương thoát nước thải 1 lần/tuần.

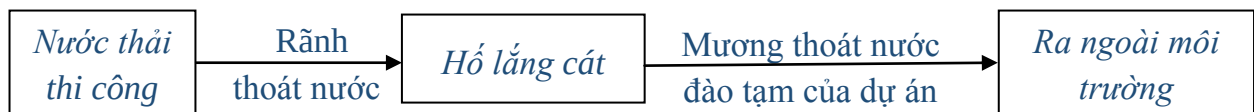
- Kiểm soát ô nhiễm do nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống thoát nước nội bộ tạm thời có lưới chắn rác, các hố ga, thường xuyên nạo vét hố ga, hạn chế tối đa khả năng làm ảnh hưởng tắc nghẽn mương thoát nước gần khu vực dự án.

- Nước thải từ quá trình rửa bánh xe, thi công

+ Phát sinh khoảng 2 m³/ngày.

+ Kiểm soát lượng nước dùng cho quá trình trộn vữa, hạn chế nước thừa, không để nước trộn vữa tràn ra chảy ra ngoài môi trường.

+ Nước thải xây dựng chủ yếu là nước vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng, nước rửa bánh xe ra và dự án được dẫn vào hố lắng dung tích 01m³ (1m×1m×1m) để lắng cặn (có song chắn rác) trước khi thoát ra ngoài môi trường.



Hình 4.1. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải thi công

Nước thải thi công sau khi qua hố lắng cát được thoát ra ngoài môi trường. Khu vực xịt rửa bánh xe được bố trí gần cống ra vào công trường thi công.

4.1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

- Chất thải rắn trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình dự án: đối với kim loại, nhựa, sắt thép, giấy, bao bì được thu gom, phân

loại bán phế liệu. Phần không tái sử dụng được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Đối với rác thải sinh hoạt công nhân: phát sinh khoảng 3 kg/ngày. Bố trí 03 thùng dung tích 30 lít có nắp đậy, có màu khác nhau để phân loại rác tại nguồn, dán nhãn chất thải sinh hoạt trên nắp thùng đựng chất thải sinh hoạt. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn được thực hiện như sau:

+ Chất thải thực phẩm: chủ đầu tư phối hợp với các hộ gia đình và các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc làm phân bón để chuyển giao cho họ tái sử dụng theo quy định;

+ Chất thải rắn có thể tái sử dụng, tái chế như cốc nhựa, vỏ lon bia, nước ngọt, giấy, bìa carton...: được thu gom vào thùng đựng rồi định kỳ bán phế liệu;

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác: thu gom vào thùng đựng hợp vệ sinh, lưu tại khu vực tập kết cạnh cổng ra vào dự án và hợp đồng với tổ thu gom rác của xã vận chuyển, xử lý đúng quy định với tần suất 2 ngày/lần.

- Chất thải nguy hại: phát sinh khoảng 5 kg/tháng như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu thải do hoạt động sửa chữa tại công trường,..., được thu gom, phân loại, lưu trữ trong các thùng phi có nắp đậy để trong kho chất thải nguy hại cạnh khu vực kho tập kết vật liệu, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý đúng quy định. Chủ dự án quản lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Không bốc xúc, san gạt khi có mưa to gió lớn, san gạt tới đâu lèn lu chặt tới đó.

- Thường xuyên quét dọn, phun tưới ẩm, đập bụi trong khu vực dự án.

- Có biển báo hạn chế tốc độ phương tiện ra vào dự án.

- Thường xuyên bảo dưỡng các loại xe và thiết bị xây dựng để giảm tối đa lượng khí thải ra, xe vận chuyển được phủ bạt và không chở quá trọng tải quy định.

- Trang bị các thiết bị an toàn lao động cá nhân cho công nhân như mũ, mặt nạ, quần áo bảo hộ lao động...

- Dùng bạt che chắn bãi tập kết xây dựng tạm thời và thu dọn vệ sinh hàng ngày vật liệu xây dựng thừa, rơi vãi.

- Bố trí mặt bằng, kế hoạch thi công hợp lý.

- Rửa bánh xe bằng vòi xịt cao áp bên cạnh cổng ra vào dự án trước khi ra khỏi khu vực dự án.

- Làm rào tôn bao quanh khu vực xây dựng với khu vực xung quanh.

4.1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Không chế số lượng thiết bị thi công trong giới hạn tiếng ồn cho phép theo quy định;
- Trang bị dụng cụ chống ồn cho các công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao;
- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, xe đồng thời không sử dụng các loại quá cũ;
- Kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để đặt lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép;
- Chống rung tại nguồn: Tùy theo từng loại máy móc cụ thể sẽ có biện pháp khắc phục như: Kê cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực, sử dụng vật liệu phi kim loại, thay thế nguyên lý làm việc khí nén bằng thủy khí, thay đổi chế độ tải làm việc...
- Chống rung lan truyền: dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung (hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su...), sử dụng các dụng cụ cá nhân chống rung,...
- Bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành dự án

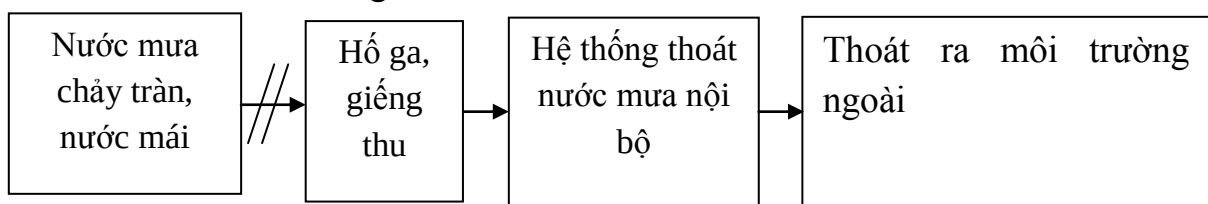
4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.

a. Nước mưa:

+ Nước mưa trên mái được thu vào hệ thống senô sau đó tập trung vào các ống PVC D110 thu nước mái và đổ xuống hệ thống mương thoát nước. Nước mưa sau khi được thu gom từ các mái nhà, mặt bằng rồi thoát ra hệ thống thoát nước mưa của CCN Đông Vĩnh phía Tây Bắc dự án (đường quy hoạch rộng 9m).

+ Mương thoát nước mưa bằng BTCT B350-400 có chiều dài khoảng 67m, dọc tuyến mương thu gom bố trí các hố ga, giếng thu, song chắn rác. Các hố ga, giếng thu, được nạo vét định kì. Thường xuyên kiểm tra và kịp thời sửa chữa các hệ thống mương thoát nước mưa khi bị hư hỏng.

+ Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa:



Hình 4.2. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án

b. Nước thải:

- Nước thải sản xuất: Tại hệ thống xử lý bụi, mùn sơn bằng màng nước vôi trong, cặn lắng sơn được định kì thu gom, quản lý như CTNH, còn nước vôi trong được sử dụng tuần hoàn, lượng nước thất thoát sẽ được bổ sung định kì, không xả thải ra ngoài môi trường. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất các sản phẩm không phát sinh nước thải.

- Nước thải sinh hoạt:

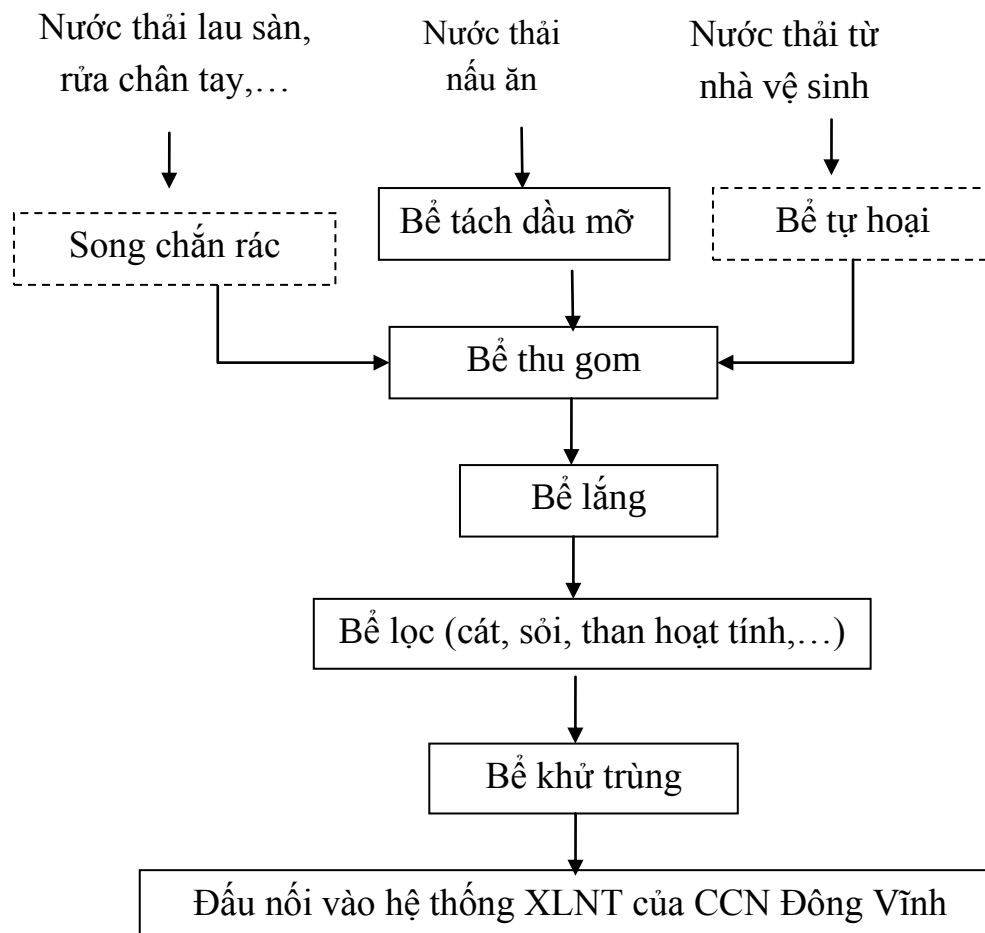
+ Nước thải từ thiết bị vệ sinh (chậu xí, tiểu treo..): được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

Bể tự hoại 3 ngăn là bể tự hoại đúng quy cách với các vách ngăn hướng dòng và ngăn lọc kỵ khí. Ngăn thứ 1 có vai trò chứa, ngăn thứ 2 có vai trò lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải vào. Nhờ các vách ngăn hướng dòng mà nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn, các chất bẩn được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá thành CO₂, H₂O, CH₄, H₂S... Ngăn thứ 3 có vai trò lắng các chất cặn bẩn. Thời gian lưu bùn trong bể từ 3 - 6 tháng, thời gian lưu nước từ 3-4 ngày đảm bảo hiệu quả xử lý chất lơ lửng đạt 65-70%, BOD₅ đạt 60-65%. Định kì thuê đơn vị có chức năng hút bể phốt.

+ Nước thải từ khu bếp được thu gom qua song chắn rác, bể tách dầu mỡ (02 bể) trước khi thu gom về bể xử lý nước thải của dự án.

+ Nước thải rửa chân tay, lau sàn,... được thu gom qua song chắn rác trước khi thu gom về bể xử lý nước thải của dự án.

Nước thải của dự án sau xử lý sơ bộ sẽ tiếp tục thu gom bể xử lý nước thải dự án. Nước sau xử lý sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Đông Vĩnh dọc đường Nguyễn Minh Châu rồi dẫn về hệ thống nước thải tập trung của CCN Đông Vĩnh công suất 150m³/ngày.đêm. Sơ đồ công nghệ bể xử lý nước thải như sau:



Hình 4.3. Sơ đồ quy trình xử lý bể xử lý nước thải của dự án

Thuyết minh quy trình công nghệ:

- Bể thu gom: Nước thải từ các nguồn phát sinh sau khi xử lý sơ bộ được thu gom về bể thu gom.
- Bể lắng: Nước sau khi qua bể thu gom được xử lý qua bể lắng, dùng để xử lý cơ học, tách các chất lơ lửng hay lắng các hạt rắn xuống đáy, giảm thiểu các chất ô nhiễm trong nước thải.
- Bể lọc: Nước sau khi lắng được qua bể lọc có chứa các vật liệu lọc như cát, sỏi hoặc than hoạt tính.
- Bể khử trùng: nước sau khi qua bể lọc còn lại một dư lượng lớn vi sinh vật, gây ảnh hưởng lên chỉ số coliform. Vì vậy để nước thải sau xử lý đảm bảo an toàn, không phát tán vi sinh gây bệnh, các chất có tính diệt khuẩn mạnh được thêm vào bể khử trùng có chlorine dạng bột, hoặc javel.
- Kích thước của bể xử lý nước thải:

Bảng 4.1. Kích thước các bể của bể xử lý nước thải

Tên bể	Đơn vị	Kích thước (dài×rộng×cao) (m)
--------	--------	-------------------------------

Bể thu gom	m	2×2,0×2
Bể lắng 1	m	2×2,0×2
Bể lắng 2	m	2×2,0×2
Bể khử trùng	m	1×2×2

- Hóa chất, chế phẩm vi sinh sử dụng trong xử lý nước thải:

Trong quá trình xử lý nước thải, nhà máy có sử dụng một số hóa chất, chế phẩm vi sinh, hóa chất khử trùng như: Chlorine.

4.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.

- Đối với nhà bếp nhà ăn sẽ được trang bị bộ phận lọc và hút khói bếp trước khi thải ra môi trường. Sử dụng các nhiên liệu đốt sạch như khí hóa lỏng, thiết bị dùng điện...

- Trồng cây xanh đúng quy hoạch.

- Khu tập kết rác thường xuyên được phun khử mùi, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển rác đúng quy định.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển đã được đăng kiểm đảm bảo lưu thông, không sử dụng các phương tiện quá cũ, không đảm bảo chất lượng.

- Máy móc sản xuất, phương tiện vận chuyển phải thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như quần áo, mũ bảo hiểm, tất, ủng, găng tay và đặc biệt là khẩu trang có chức năng lọc bụi.

- Thường xuyên quét dọn, lau chùi nhà ăn, nhà vệ sinh, nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho. Hàng ngày, sử dụng các thiết bị hút bụi trong nhà xưởng sản xuất và trong khuôn viên nhà máy.

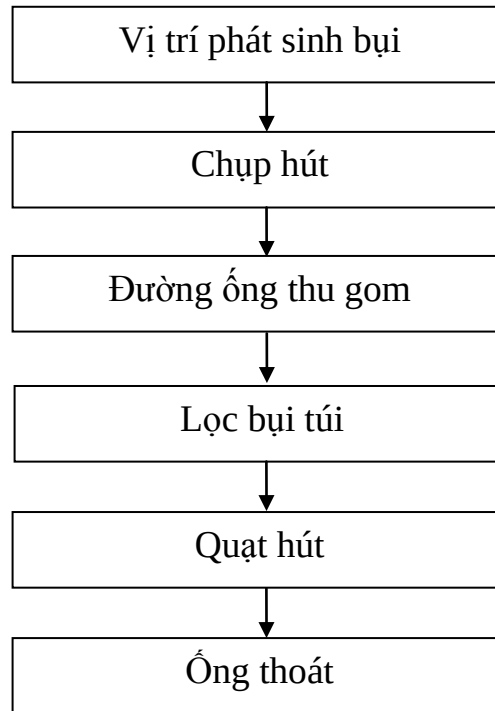
- Nhà xưởng bố trí hệ thống thông gió hoặc thông gió tự nhiên nhằm góp phần cải thiện điều kiện làm việc trong xưởng.

- Xử lý, giảm thiểu bụi gỗ trong khu vực nhà xưởng:

Bụi phát sinh ngay tại máy cưa, máy cắt, máy khoan, máy đánh mộng, máy phay, bào, chà nhám... được thu gom qua ống nhánh hút bụi (ống mềm) dưới tác dụng của quạt hút, sau đó được dẫn đến ống chính rồi thu bụi vào hệ lọc bụi túi vải để lọc bụi. Những bụi gỗ có kích thước nặng hơn sẽ rơi xuống đáy chứa. Còn lại bụi nhẹ bám lên thành túi vải. Định kỳ hệ thống sẽ tự động rũ bụi bằng cách vừa rung, vừa bơm khí nén để làm sạch túi vải, bụi rơi xuống và được chứa trong bao chứa bụi hoặc trạng bị buồng chứa bụi. Bụi sẽ được bán lại cho các đơn vị có nhu cầu để tái sử dụng hoặc dùng làm nhiên liệu đốt.

Bụi khí thải khi qua hệ thống lọc bụi túi vải thoát ra ngoài đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT.

Quy trình tổng quát xử lý bụi như sau: Bụi → chụp hút → đường ống → lọc bụi túi → quạt hút → ống thoát → Sau đó, khí sạch sẽ theo ống thoát ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT với $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$.



Hình 4.4. Hệ thống xử lý bụi

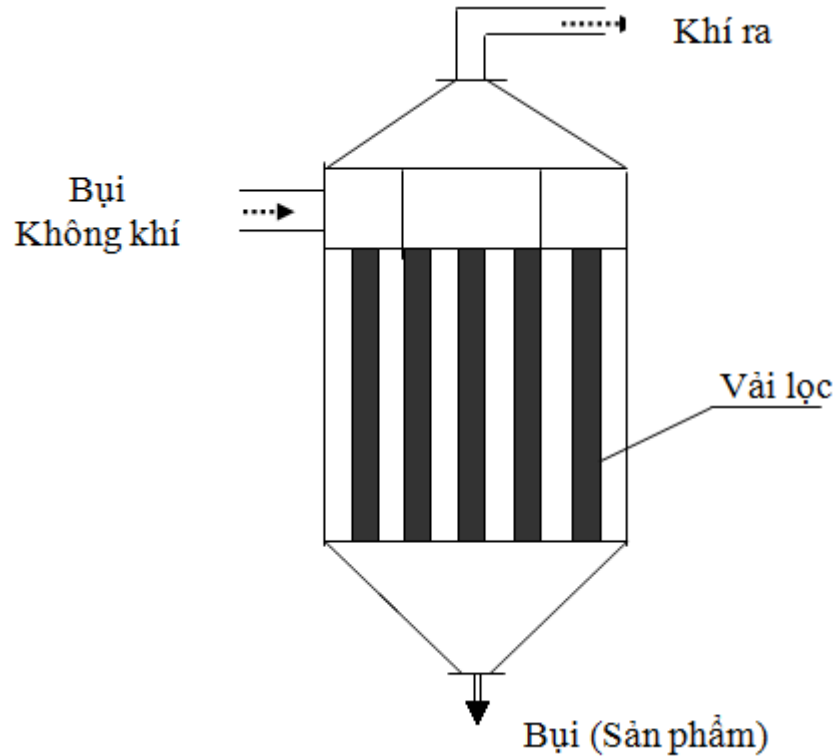
Thuyết minh quy trình:

Bụi tại các khu vực phát thải sẽ được thu gom bằng các chụp hút đặt tại đó, các dòng phát thải sau đó được quạt hút theo đường ống hút dẫn về một thiết bị lọc bụi túi vải.

Thiết bị lọc bụi túi vải gồm nhiều túi vải dệt từ các sợi khác nhau như sợi len, gai, sợi bông vải, sợi thủy tinh lồng vào khung lưới thép để bảo vệ. Tại thiết bị lọc bụi, bụi được giữ trên thành túi lọc với hiệu suất tối đa lên tới 99%, không khí sạch đi qua túi lọc và buồng sạch thải ra ngoài môi trường còn bụi giữ lại ở các túi lọc. Sau một khoảng thời gian, động cơ hút và van gió chính đóng lại. Van giữ bụi được mở ra, khí nén với áp lực lớn qua buồng làm sạch xả vào túi lọc làm rung các túi lọc và hạt bụi được rơi xuống đáy buồng. Sau khi giữ xong, van thu hồi liệu mở ra, hạt bụi được thu hồi. Bụi thu hồi được chuyển qua gầu tải vào silo chứa sản phẩm và đóng bao được sử dụng như sản phẩm. Còn các hạt có kích thước không đạt yêu cầu theo dây chuyền khép kín tiếp tục quay về máy nghiền.

- Bụi, khí thải sau khi xử lý qua thiết bị lọc bụi túi vải sẽ được quạt hút

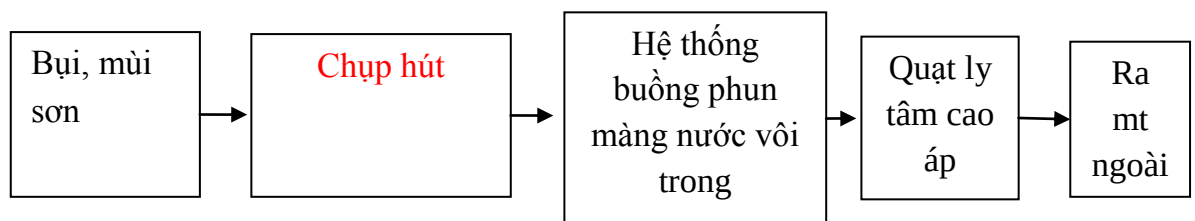
đẩy qua ống thoát khí ra ngoài môi trường vật liệu bằng thép sơn chống rỉ 2 mặt, chất lượng bụi, khí thải ra môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B.



Hình 4.5. Sơ đồ cấu tạo của thiết bị lọc túi.

- Xử lý khí thải từ quá trình phun sơn, vecni:

Sơ đồ xử lý mùi sơn bằng buồng phun sơn màng nước vôi trong như sau:



Hình 4.6. Sơ đồ xử lý bụi, mùi sơn

Khí thải, bụi sơn phát sinh từ quá trình phun sơn tại xưởng được hút vào hệ thống thu gom bụi, khí thải qua các chụp hút đặt sẵn ở trên hệ thống sản xuất nhờ hệ thống quạt hút ly tâm rồi dẫn qua hệ thống buồng sơn màng nước vôi trong (kết hợp dập bụi sơn và xử lý hơi dung môi sơn). Buồng phun sơn nước tạo ra một luồng khí động theo hướng từ công nhân phun sơn tới bề mặt buồng sơn nhờ các quạt hút đặt trên nóc buồng sơn. Bụi và mùi sơn được

cuốn vào máng nước chảy tràn và trôi xuống bể chứa tuần hoàn nằm phía dưới. Khí thoát được thoát theo đường ống ra khỏi khu vực phun sơn.

Khí thải sau xử lý sẽ được quạt hút (công suất quạt hút 10.000 m³/h) đẩy qua ống thoát khí ra ngoài môi trường, ống thoát khí cao khoảng 10 m, vật liệu bằng thép sơn chống rỉ 2 mặt, chất lượng bụi, khí thải ra môi trường đạt QCVN 20:2009/BTNMT.

4.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Ước phát sinh khoảng: 80 kg/ngày gồm: 160 người × 0,5 kg/người/ngày = 80 kg/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom, phân loại rác tại nguồn, bố trí các thùng đựng rác chuyên dụng tại nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho và sân đường nội bộ để lưu giữ, phân loại các loại chất thải (chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải rắn không có khả năng tái chế; chất thải thực phẩm). Cuối ngày nhân viên vệ sinh thu gom các loại rác từ các khu vực trên đưa về khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 6 m². Tại khu tập kết bố trí 03 thùng dung tích lớn (hoặc các xe đẩy) để chứa các chất thải đã được phân loại tại nguồn. Các chất thải sau khi đã tập kết xử lý như sau:

+ Chất thải thực phẩm: liên hệ với các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc làm phân bón để tái sử dụng.

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: liên hệ với đơn vị đủ điều kiện tái chế để chuyển giao (bán).

+ Chất thải không có khả năng tái chế: liên hệ đơn vị vận chuyển và xử lý đúng quy định.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 2 tấn/năm như: mùn cưa, mẫu gỗ, pallet gỗ hỏng, sản phẩm lỗi... Chủ dự án liên hệ với các đơn vị, cá nhân có nhu cầu để tái sử dụng, tái chế hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được nạo vét định kì, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

- CTR công nghiệp thông thường được thu gom và tập kết vào trong khu vực nhà kho của dự án (diện tích khu vực tập kết khoảng 20 m²).

c. Chất thải nguy hại:

Ước tính phát sinh khoảng 170 kg/tháng sẽ được thu gom vào các thùng có dán mã chất thải nguy hại và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại (*kho kín; có cửa*

khóa; có biển cảnh báo; trang bị dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy, diện tích 6 m²). Chủ đầu tư quản lý theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTNH để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định..

Danh mục chất thải nguy hại và khối lượng phát sinh cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Tên, số lượng chất thải nguy hại và khối lượng phát sinh trong giai đoạn vận hành

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính khác	Rắn	16 01 06	20
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	50
3	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	30
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	17 02 03	20
5	Cặn sơn, sơn thải (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	Rắn/lỏng	08 01 01	50
Tổng				170

4.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Lắp đặt các máy có chất lượng tốt.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su đối với các thiết bị có công suất lớn. Lắp đặt vật liệu cách âm.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.
- Máy móc được kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ.
- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào dự án hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên vật liệu, sản phẩm; phân công cán bộ điều khiển xe ra vào nhà máy để tránh trường hợp bị ùn tắc.

4.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và đi vào vận hành.

*** Chống sét**

Lắp đặt hệ thống chống sét cho dự án.

*** Chống cháy nổ**

- Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy chữa cháy PCCC từ khâu thiết kế, thi công đến nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

- Dự án sẽ trang bị bình cứu hỏa, chuông báo cháy, thùng cát, bể chứa nước và một số trang thiết bị phòng cháy khác tại các khu...

- Số lượng lối thoát nạn và khoảng cách từ lối thoát nạn đủ đảm bảo khả năng thoát hiểm của mọi người trong dự án và khả năng tiếp cận của lực lượng chữa cháy.

- Đáp ứng các yêu cầu về biển báo chỉ dẫn lối thoát nạn, chiếu sáng khẩn cấp và không chế khói.

- Thường xuyên kiểm tra tất cả các thiết bị điện, kịp thời thay thế các thiết bị đã hư hỏng, xuống cấp.

- Đặt các biển cảnh báo dễ cháy, yêu cầu các khách hàng, tuân thủ các quy định về PCCC.

- Để đảm bảo xử lý kịp thời sự cố cháy nổ, trong các công trình cụ thể thiết lập hệ thống báo cháy có đèn hiệu và thông tin tốt, đồng thời phải có hệ thống chữa cháy trực tiếp bằng vòi rồng phun nước theo quy định hiện hành.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC), phòng chống sự cố được cơ quan PCCC của tỉnh thẩm định và cho phép.

*** Sự cố an toàn lao động:**

Áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn lao động như đã đề xuất ở giai đoạn triển khai xây dựng, ngoài ra chủ đầu tư đã áp dụng các biện pháp sau để đảm bảo an toàn và chăm sóc sức khỏe người lao động.

Chủ đầu tư cam kết chấp hành nghiêm chỉnh Nghị định 06/CP ngày 20/1/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động và Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP. Cụ thể áp dụng một số biện pháp phòng ngừa sau:

- Thực hiện đúng Chỉ thị 07/2011/CT-UBND ngày 8/3/2011 của UBND tỉnh Nghệ An về tăng cường thực hiện công tác ATVSLĐ - PCCC.
- Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định trong việc sử dụng từng thiết bị máy móc.
- Trong thời gian làm việc công nhân không được đi lại nơi không thuộc phạm vi của mình.
- Khi có sự cố hoặc nghi ngờ về thiết bị có sự cố xảy ra thì công nhân phải báo ngay cho tổ trưởng để xử lý.
- Nếu không được phân công thì công nhân không được tự ý sử dụng hoặc sửa chữa thiết bị.
- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, huấn luyện, kiểm tra và nhắc nhở người lao động chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định, về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong đơn vị.
- Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm trên để cải thiện môi trường lao động. Trang bị đầy đủ và nhắc nhở công nhân sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, nút bịt tai chống ồn, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ,...
- Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động theo đúng quy định của Nhà nước.
- Khi xảy ra sự cố tai nạn lao động những người có mặt ở hiện trường phải:
 - + Ngừng ngay hoạt động sản xuất của máy móc.
 - + Khẩn trương sơ cứu nạn nhân và báo ngay cho phụ trách an toàn và y tế của doanh nghiệp.
 - + Tham gia bảo vệ hiện trường để những người có trách nhiệm xử lý.
- Tổ chức các đợt nghỉ ngơi, điều dưỡng theo chế độ của Nhà nước.
- Bồi dưỡng độc hại theo quy định của Nhà nước đối với lao động nặng nhọc và độc hại.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân làm việc tại xưởng nhằm phát hiện các bệnh nghề nghiệp. Trang bị tủ thuốc và các dụng cụ y tế thông dụng để sơ cứu kịp thời những trường hợp công nhân bị bỏng: trầy xước, gãy tay, chân,... Trang bị thiết bị phòng chữa cháy, nổ như bình xịt khí CO₂, bao cát,...
- Thực hiện chế độ bảo hiểm và chế độ lao động theo đúng luật lao động và Luật bảo hiểm quy định cho cán bộ công nhân làm việc tại xưởng.

* *Sự cố an toàn giao thông*: quy định tốc độ đối với phương tiện ra vào dự án, lắp đặt biển báo hạn chế tốc độ, không chở nguyên vật liệu, sản phẩm quá trọng tải quy định.

* *Sự cố an toàn thực phẩm*: sử dụng các thực phẩm đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc, nhãn mác và còn hạn sử dụng. Khu vực nấu ăn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh toàn thực phẩm.

* *Sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải*: thường xuyên vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý. Trong trường hợp nếu có sự cố môi trường xảy ra, phải tạm cho dừng hệ thống xử lý để tìm ra nguyên nhân gây ra sự cố nhằm ngăn chặn, hạn chế, xử lý nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng.

* *Sự cố đình công, biểu tình của công nhân*:

- Xây dựng nội quy làm việc tại nhà máy đảm bảo an toàn, thoải mái, đạt hiệu quả công việc cao.

- Có tổ chức công đoàn của nhà máy để giải quyết các vấn đề chế độ chính sách cho công nhân.

* *Sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất*

- Khi xử lý tràn đổ hóa chất cần phải kiểm soát nguồn lửa gần nhất và người xử lý phải đeo thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ.

- Xác định khu vực tràn đổ, loại chất, số lượng chất bị tràn đổ và mức độ, phạm vi ảnh hưởng.

- Xác định số người bị thương do tiếp xúc với chất tràn đổ (nếu có).

- Dùng các phương tiện khác: cát, giẻ lau để không cho hóa chất rò rỉ, chảy tràn xuống đất, hệ thống cống,...

+ Đối với chất thải đổ tràn/rò rỉ là chất thải nguy hại và nơi xảy ra là không gian kín thì khi phát hiện cần tiến hành liên hệ bảo trì để tiến hành thông gió khu vực xảy ra sự cố và thông báo về sự cố. Nếu chỉ là chất thải thông thường thì không cần thiết phải thông gió.

+ Đối với chất tràn đổ là chất thải nguy hại, người phát hiện sự cố đã đeo PPE (giày bảo hộ, găng tay nitrile, găng tay latex, mặc nạ phòng độc, kính bảo hộ..) hiểu rõ về công việc đang bị sự cố và đảm bảo an toàn thì lập tức ngăn chặn chất thải tràn đổ tiếp tục rò rỉ/đổ tràn.

Người phát hiện thông báo cho Trưởng bộ phận/Giám sát viên/Tổ trưởng về khu vực rò rỉ/đổ tràn và thông báo cho đội ứng phó sự cố.

+ Với chất thải đổ tràn/rò rỉ là chất thải nguy hại dạng lỏng thì cần sử dụng dụng cụ hấp thụ, phao quay thấm để cô lập. Đặc biệt nguồn đổ tràn có

nguy cơ chảy tràn xuống mương thoát nước mưa thì ngay lập tức sử dụng các bao cát chặn tại các miệng hố thu nước mưa lân cận.

+ Đối với chất đổ tràn/rò rỉ là chất thải nguy hại thì phải chuyển phần chất thải thu gom được và vật liệu thấm hút thu gom vào thùng chứa hợp lệ và chuyển ra kho chất thải nguy hại.

4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Các biện pháp BVMT	Dự toán (đồng)	Thời gian thực hiện
Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn triển khai xây dựng			
1	- Tưới ẩm khu vực xây dựng và đường giao thông - Phủ bạt kín xe vận tải - Bảo dưỡng máy móc - Rào tôn bao quanh dự án	20.000.000	Thực hiện trong suốt thời gian xây dựng
2	- Che chắn các bãi chứa vật liệu - Vệ sinh mặt bằng cuối ngày làm việc	10.000.000	
3	- Đào hố lắng tạm	10.000.000	
3	- CTR sinh hoạt thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng	Thỏa thuận	
4	- CTR là kim loại, nhựa, bao bì,... để bán phế liệu - CTR xây dựng vận chuyển đồ thải đúng quy định	Thỏa thuận	
Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành			
5	- Trồng cây xanh, quạt hút, tưới ẩm	200.000.000	Trong quá trình xây dựng
6	- Lắp đặt hệ thống thu gom nước thải, xử lý nước thải, xử lý bụi, khí thải - Xây các nhà kho chứa rác.	1.500.000.000	
7	- Trang bị thùng đựng rác - Hợp đồng với các đơn vị chức năng để vận chuyển xử lý.	20.000.000	Thực hiện trong suốt quá trình vận hành của dự án

Tuy nhiên, đây là số liệu khái toán, mục đích định hướng cho Chủ đầu tư trong các công tác thực hiện xây dựng các công trình BVMT cho dự án. Khi dự án lập tổng dự toán, các hạng mục này sẽ được tính toán chi tiết và đầy đủ hơn.

*** Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường:**

Cán bộ phụ trách môi trường có nhiệm vụ:

- Kiểm tra kiểm soát quá trình thi công và vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

- Quản lý các vấn đề môi trường của dự án:

+ Thu nhận và quản lý các hồ sơ môi trường của dự án.

+ Giám sát hoạt động các công trình bảo vệ môi trường để phát hiện sự cố và khắc phục các sự cố xảy ra.

+ Theo dõi quá trình thu gom, quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Bảng 4.4. Nhận xét mức độ chi tiết và độ tin cậy của các đánh giá đã áp dụng

TT	Phương pháp đánh giá	Nơi áp dụng	Mức độ chi tiết	Độ tin cậy
1	Phương pháp so sánh	- Đánh giá hiện trạng môi trường. - Đánh giá mức độ tác động so với các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam và thế giới.	Cao	Cao
2	Phương pháp thống kê	- Thu thập số liệu khí tượng thủy văn. - Thu thập số liệu kinh tế - xã hội.	Cao	Cao
3	Phương pháp lập bảng liệt kê	Liệt kê các hoạt động, các loại chất thải, các tối tượng bị tác động.	Cao	Cao
4	Phương pháp khảo sát và đo	Thu thập, khảo sát hiện trạng khu vực thực hiện dự án	Được thực hiện bởi đơn vị có uy	Cao

	đặc ở hiện trường		tín, mức độ chi tiết cao.	
5	Phương pháp kế thừa và tổng hợp tài liệu	- Kế thừa các nghiên cứu và báo cáo đã có. - Tham khảo các tài liệu, đặc biệt là tài liệu chuyên ngành liên quan đến Dự án	Cao	Cao

Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

5.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải: nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

5.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 11,2 m³/ngày đêm.

5.1.3. Dòng nước thải

Dòng nước thải: số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép là 01 (một) dòng, nước thải sau xử lý được đầu nối ra hệ thống thu gom nước thải của CCN Đông Vĩnh.

5.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, C_{max} = C×k hệ số k=1,2), cụ thể như sau:

Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (C _{max})	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1200		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng các chất hoạt	mg/l	12		

	động bề mặt				động liên tục
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	5000		

5.1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: Thuộc địa phận Đông Vĩnh, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X = 2066702 (m); Y = 595651(m).

- Phương thức xả nước thải: tự chảy, nước thải sau xử lý tự chảy qua đường ống D200 dẫn ra mương thoát nước thải của CCN, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Đông Vĩnh.

- Chế độ xả thải: Gián đoạn.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải của CCN Đông Vĩnh.

5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải

5.2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Có 2 nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 1: Bụi từ các công đoạn khoan, cắt, tiện, phay, bào,...
- Nguồn số 2: Khí thải mùi sơn phát sinh từ quá trình phun sơn.

5.2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải tối đa:

- Nguồn số 1: $30.000\text{m}^3/\text{h}$.
- Nguồn số 2: $10.000\text{ m}^3/\text{h}$.

5.2.3. Dòng bụi, khí thải

Dòng khí thải:

- Dòng khí thải số 1: Ống thải sau khi xử lý qua hệ thống lọc bụi túi.
- Dòng khí thải số 2: Ống thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý khí thải mùi sơn.

5.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng bụi, khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	
			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
Dòng thải số 1				
1	Bụi	mg/Nm ³	200	-
Dòng thải số 2				

1	Xylene	mg/Nm ³		870
2	Toluen	mg/Nm ³		750
3	Fomaldehyt	mg/Nm ³		20

5.2.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận bụi, khí thải

- Vị trí xả khí thải:

Dòng thải số 1: mẫu khí thải sau hệ thống xử lý bụi gỗ, có tọa độ X: 2066724, Y: 595641.

Dòng thải số 2: mẫu khí thải sau hệ thống xử lý mùi sơn, có tọa độ X: 2066737, Y: 595635.

- Phương thức xả thải: Xả thải cưỡng bức, gián đoạn.

5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

5.3.1. Nguồn phát sinh:

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ hoạt động sản xuất của dự án.

5.3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn

Bảng 5.3. Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn (dBA)

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;

Bảng 5.4. Giới trị tối đa cho phép về độ rung

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

6.1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, khí thải của dự án trong quý III/2026.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Theo quy định tại Khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Trên cơ sở đó, chủ cơ sở lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải, khí thải như sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch lấy mẫu nước thải, khí thải giai đoạn vận hành ổn định

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích	Ngày lấy mẫu dự kiến	Thông tin lấy mẫu		Thông số phân tích
		Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	
Lần thứ 1	09/7/2026	01 mẫu nước thải sau xử lý	Mẫu đơn	Các thông số phân tích theo bảng 5.1
		01 mẫu bụi sau hệ thống xử lý lọc bụi túi vải	Mẫu đơn	Các thông số phân tích theo bảng 5.2
		01 mẫu khí thải sau hệ thống xử lý mùi sơn	Mẫu đơn	Các thông số phân tích theo bảng 5.2

Lần thứ 2	10/7/2026	01 mẫu nước thải sau xử lý	Mẫu đơn	Các thông số phân tích theo bảng 5.1
		01 mẫu bụi sau hệ thống xử lý lọc bụi túi vải	Mẫu đơn	Các thông số phân tích theo bảng 5.2
		01 mẫu khí thải sau hệ thống xử lý mùi sơn	Mẫu đơn	Các thông số phân tích theo bảng 5.2
Lần thứ 3	11/7/2026	01 mẫu nước thải sau xử lý	Mẫu đơn	Các thông số phân tích theo bảng 5.1
		01 mẫu bụi sau hệ thống xử lý lọc bụi túi vải	Mẫu đơn	Các thông số phân tích theo bảng 5.2
		01 mẫu khí thải sau hệ thống xử lý mùi sơn	Mẫu đơn	Các thông số phân tích theo bảng 5.2
Quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng		- Nước thải: $C_{max}= C\times K_q\times K_f$. Trong đó $K_q=0,9$; $K_f= 1,2$. - Đối với bụi, khí thải từ hệ thống xử lý mùi sơn: QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số hợp chất hữu cơ, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B). - Đối với bụi, khí thải từ hệ thống lọc bụi: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).		

6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

Chủ đầu tư sẽ liên hệ với đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phối hợp thực hiện lấy mẫu theo quy định.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ)

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ,

Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, do lượng nước thải phát sinh dưới 500 m³/ngày và lưu lượng khí thải phát sinh dưới 50.000 m³/h nên dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ, liên tục, tự động.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các pháp luật liên quan khác, Chủ dự án cam kết thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến Dự án;
4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của Dự án gây nên;
5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân viên trong quá trình triển khai xây dựng và khi đi vào vận hành;
6. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường;
8. Nếu để xảy ra sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp sau để xử lý:
 - Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;
 - Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của cán bộ công nhân viên và các đơn vị, cá nhân gần dự án.
 - Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;
 - Chịu mọi trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố môi trường.
9. Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện Dự án
10. Các công trình xử lý môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn đi vào vận hành được thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng.
11. Cam kết mọi thông tin được nêu trong Báo cáo là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật các nội dung được nêu trong Báo cáo. Chủ đầu tư cam kết thực hiện nghiêm chỉnh đầy đủ các nội dung trong quyết định giấy phép môi trường và trong báo cáo.
12. Cam kết rằng các số liệu cung cấp trong Báo cáo này có tính chính xác cao và cam kết rằng Dự án không sử dụng hoá chất, chủng vi sinh vật trong danh mục cấm của Việt Nam và các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

PHỤ LỤC BÁO CÁO